|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN** | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU**  **NĂM HỌC 2023 - 2024** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

**Môn thi chuyên: ĐỊA LÍ.**

***(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **(Điểm)** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I**  **(5,0)** | **1** | **Trình bày sự thay đổi nhiệt độ không khí trên Trái Đất.** | **2,0** |
| *Theo vĩ độ* |  |
| - Tại xích đạo nhiệt độ cao; càng xa xích đạo về 2 cực nhiệt độ giảm dần. | *0,5* |
| - Biên độ nhiệt năm tăng dần từ xích đạo về 2 cực. | *0,25* |
| *Theo vị trí gần hay xa biển* |  |
| - Nhiệt độ có sự chênh lệch giữa khu vực ven biển với khu vực nằm sâu trong lục địa… *(dẫn chứng)*. | *0,5* |
| - Nhiệt độ giữa đất liền và biển có sự khác nhau… *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| *Theo độ cao, hướng sườn* |  |
| - Càng lên cao, nhiệt độ không khí càng giảm *(giảm 0,60C/100 m).* | *0,25* |
| - Tại những sườn đón nắng nhiệt độ cao và ngược lại. | *0,25* |
| **2** | **Nêu những nhân tố tạo nên sự phong phú về thành phần loài của sinh vật nước ta.** | **1,0** |
| - Vị trí nằm trên đường di cư của các loài sinh vật… | *0,25* |
| - Điều kiện tự nhiên thuận lợi: khí hậu, đất, sông ngòi, biển… | *0,25* |
| - Điều kiện kinh tế - xã hội: chính sách phát triển, lai tạo giống, nhập khẩu giống… | *0,25* |
| - Lịch sử phát triển của tự nhiên… | *0,25* |
| **3** | **Vào nửa đầu mùa hạ, gió mùa Tây Nam khi thổi vào Nghệ An có đặc điểm gì? Tác động của nó đến đời sống và sản xuất.** | **2,0** |
| *Đặc điểm* |  |
| - Xuất phát từ khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương thổi theo hướng Tây Nam vào Nghệ An thành từng đợt. | *0,5* |
| - Hoạt động từ tháng III đến tháng IX năm sau, mạnh nhất vào tháng V đến tháng VIII. | *0,25* |
| - Gió mùa Tây Nam khi vượt qua dãy Trường Sơn Bắc gây ra hiệu ứng phơn vào đầu mùa hạ ở Nghệ An. | *0,25* |
| *Tác động* |  |
| - Thời tiết rất khô, nóng… *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt. | *0,25* |
| - Nguy cơ cháy rừng cao. | *0,25* |
| - Tác động khác… | *0,25* |
| **II**  **(3,0)** | **1** | **Nguồn lao động nước ta dồi dào vì:** | **1,0** |
| - Dân số đông, số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ lớn nên lực lượng lao động dồi dào. | *0,5* |
| - Cơ cấu dân số trẻ, số người trong tuổi sinh đẻ lớn, dân số tăng nhanh nên lực lượng lao động bổ sung hàng năm lớn. | *0,5* |
| **2** | **Chứng minh nước ta có mạng lưới đô thị ngày càng phát triển nhưng phân bố không đều.** | **2,0** |
| *-* Mạng lưới đô thị ngày càng phát triển |  |
| + Số lượng đô thị tăng. | *0,25* |
| + Mật độ đô thị tăng, quy mô đô thị mở rộng. | *0,25* |
| + Phân cấp đô thị đa dạng. | *0,25* |
| - Đô thị phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng và ven biển | *0,25* |
| + Đồng bằng sông Hồng và phụ cận, Đông Nam Bộ có mức độ tập trung đô thị cao nhất *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| + Duyên hải miền Trung đô thị tạo thành dải ven biển; Đồng bằng sông Cửu Long tập trung dọc sông Tiền, sông Hậu *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Trung du và miền núi mức độ tập trung thấp…*(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Sự phân bố đô thị nước ta phụ thuộc vào diện tích, số lượng đơn vị hành chính, điều kiện sống, lịch sử khai thác lãnh thổ, trình độ phát triển kinh tế, trình độ CNH… | *0,25* |
| **III**  **(4,0)** | **1** | **Nêu đặc điểm loại hình giao thông vận tải đường hàng không ở nước ta.** | **1,0** |
| - Đảm nhận nhiệm vụ vận chuyển quốc tế. | *0,25* |
| - Tốc độ phát triển nhanh theo hướng hiện đại. | *0,25* |
| - Số lượng sân bay, tuyến bay tăng; quy mô được mở rộng. | *0,25* |
| - Khối lượng vận chuyển nhỏ. | *0,25* |
| **2** | **Trình bày tình hình sản xuất cây công nghiệp ở nước ta.** | **1,0** |
| - Diện tích cây công nghiệp tăng *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Sản lượng và giá trị sản xuất cây công nghiệp tăng nhanh *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Cơ cấu cây công nghiệp đa dạng, tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Thị trường được mở rộng, cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện… | *0,25* |
| **3** | **Hà Nội trở thành trung tâm du lịch vào loại lớn nhất cả nước.** | **2,0** |
| - Là thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kĩ thuật hàng đầu của cả nước nên trở thành trung tâm du lịch quốc gia. | *0,5* |
| - Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, lịch sử phát triển lâu đời nên hấp dẫn khách du lịch. | *0,5* |
| - Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển hàng đầu cả nước. | *0,25* |
| - Có khả năng thu hút lao đông cao, lực lượng lao động có chuyên môn nghiệp vụ ngày càng tăng. | *0,25* |
| - Mức sống cao, thu hút mạnh đầu tư. | *0,25* |
| - Nguyên nhân khác… | *0,25* |
| **IV**  **(4,0)** | **1** | **Phân tích thuận lợi về mặt tự nhiên để phát triển kinh tế biển ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.** | **2,0** |
| *Thuỷ sản* |  |
| - Vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn, nguồn hải sản phong phú thuận lợi cho hoạt động đánh bắt thủy sản *(dẫn chứng).* | *0,5* |
| - Nhiều vũng, vịnh, đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. | *0,25* |
| - Một số đảo ven bờ thuận lợi để khai thác, nuôi trồng các loài đặc sản *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| *Du lịch* |  |
| - Nhiều bãi tắm đẹp, khí hậu nắng ấm quanh năm *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Hệ sinh thái đa dạng, có nhiều đảo ven bờ giàu tiềm năng phát triển du lịch *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| *- Giao thông vận tải:* nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế thuận lợi cho phát triển giao thông vận tải biển; có nhiều vũng, vịnh kín gió thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu *(dẫn chứng)*. | *0,25* |
| *- Khai thác, chế biến khoáng sản và làm muối:* có một số khoáng sản tạo điều kiện cho khai thác, chế biến; nhiệt độ cao, ít mưa, ít cửa sông đổ ra biển,... thuận lợi để phát triển nghề làm muối *(dẫn chứng)*. | *0,25* |
| **2** | **So sánh ngành thuỷ điện giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.** | **2,0** |
| \* ***Giống nhau:*** Đều có tiềm năng thuỷ điện lớn, có ý nghĩa đối với đời sống và các ngành kinh tế khác. | *0,25* |
| \* ***Khác nhau:*** |  |
| - Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thuỷ điện lớn hơn Tây Nguyên *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thuỷ điện có quy mô và công suất lớn hơn so với Tây Nguyên *(dẫn chứng).* | *0,5* |
| - Xây dựng máy thuỷ điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động lớn hơn đến đời sống, môi trường sinh thái; chi phí xây dựng lớn hơn so với Tây Nguyên. | *0,5* |
| - Việc phát triển thuỷ điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước và các vùng lân cận, đặc biệt đối với Đồng bằng sông Hồng trong việc điều tiết thuỷ lợi. | *0,25* |
| - Việc phát triển thuỷ điện ở Tây Nguyên chủ yếu có ý nghĩa nội vùng… | *0,25* |
| **V**  **(4,0)** | **1** | **Vẽ biểu đồ và nhận xét** | **3,0** |
| \* *Xử lí số liệu:*  CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, NĂM 2015 VÀ NĂM 2021  *( Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** | | **2015** | 100,0 | 37,6 | 56,8 | 5,6 | | **2021** | 100,0 | 39,0 | 57,2 | 3,8 | | *0,5* |
| **\*** *Vẽ biểu đồ:*  -Vẽ biểu đồ hình tròn, các dạng biểu đồ khác không cho điểm.  - Yêu cầu: chính xác, có chú giải, tên biểu đồ…  *(Thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm).* | *1,0* |
| **\*** *Nhận xét:* |  |
| - Tổng diện tích lúa phân theo mùa vụ của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 giảm so với năm 2015. Trong đó, diện tích lúa hè thu và thu đông giảm nhiều nhất, diện tích lúa mùa giảm ít nhất *(dẫn chứng).* | *0,5* |
| - Cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của Đồng bằng sông Cửu Long đang có sự thay đổi: |  |
| + Diện tích lúa đông xuân chiếm tỉ trọng lớn, có xu hướng tăng *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| + Diện tích lúa hè thu và thu đông chiếm tỉ trọng lớn nhất, có xu hướng tăng chậm *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| + Diện tích lúa mùa chiếm tỉ trọng nhỏ nhất, có xu hướng giảm *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| - Diện tích lúa mùa có tốc độ giảm mạnh nhất *(dẫn chứng).* | *0,25* |
| **2** | **Các biện pháp cải tạo đất phèn, đất mặn của vùng** | **1,0** |
| - Thuỷ lợi là giải pháp hàng đầu để khắc phục tình trạng thiếu nước vào mùa khô, góp phần cải tạo đất phèn, đất mặn. | *0,25* |
| - Lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp vừa có giá trị kinh tế vừa cải tạo đất, bảo vệ môi trường. | *0,25* |
| - Trồng rừng đi đôi với bảo vệ rừng ngập mặn. | *0,25* |
| - Biện pháp khác… | *0,25* |

*Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đủ ý vẫn cho điểm tối đa.*